TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/DS-ST
Ngày: 25 - 02 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nữ

2. Ông Hoàng Minh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa*: ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa*: bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1031/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (V); Địa chỉ: Số H, đường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Lầu A, số I, đường C, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Anh T; địa chỉ liên hệ: Lầu A, số I, đường C, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền tại Văn bản ủy quyền số 12751/2024/UQ - VPB ngày 21/10/2024, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Như T1, sinh năm 1985, địa chỉ: số B, đường H, tổ E, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V) và người đại diện hợp pháp, ông Đoàn Anh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Như T1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V) theo các hợp đồng tí dụng sau:

- Hợp đồng số DSA/VN0010325/20221239 ngày 26/12/2022 (còn gọi là LD2236201802), số tiền vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân sau đó điều chỉnh 03 tháng 01 lần. Ngân hàng giải ngân cho bà T1 ngày 28/12/2022. Tính đến ngày 05/8/2023, bà T1 đã trả được tổng số tiền 37.738.140 đồng trong đó tiền gốc 12.270.933 đồng, tiền lãi 19.467.207 đồng.

Tính đến ngày 25/02/2025, bà T1 còn nợ 231.334.646 đồng trong đó nợ gốc 137.729.064 đồng, nợ lãi quá hạn 93.605.579 đồng.

- Hợp đồng số DSA/VN0010325/20221239 ngày 29/12/2022 (còn gọi là LD2236403456), số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân sau đó điều chỉnh 03 tháng 01 lần. Ngân hàng giải ngân cho bà T1 ngày 30/12/2022. Tính đến ngày 05/8/2023, bà T1 đã trả được tổng số tiền 21.126.738 đồng trong đó tiền gốc 8.319.575 đồng, tiền lãi 12.807.163 đồng.

Tính đến ngày 25/02/2025, bà T1 còn nợ 153.989.707 đồng, trong đó nợ gốc 91.680425 đồng, nợ lãi quá hạn 62.309.282 đồng.

- Hợp đồng số LN2301188196159 ngày 18/01/2023 (còn gọi là LD2301804214), số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân sau đó điều chỉnh 03 tháng 01 lần. Ngân hàng giải ngân cho bà T1 ngày 18/01/2023. Tính đến ngày 05/8/2023, bà T1 đã trả được tổng số tiền 17.384.265 đồng trong đó tiền gốc 6.333.442 đồng, tiền lãi 11.505.823 đồng.

Tính đến ngày 25/02/2025, bà T1 còn nợ 157.325.687 đồng trong đó nợ gốc 93.666.558 đồng, nợ lãi quá hạn 63.659.129 đồng.

- Hợp đồng số LN2305119137389 ngày 18/01/2023 (còn gọi là LD2313202059), số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân sau đó điều chỉnh 03 tháng 01 lần. Ngân hàng giải ngân cho bà T1 ngày 12/5/2023. Tính đến ngày 05/8/2023, bà T1 đã trả được tổng số tiền 3.595.803 đồng trong đó tiền gốc 894.433 đồng, tiền lãi 2.701370 đồng.

Tính đến ngày 25/02/2025, bà T1 còn nợ 168.229.664 đồng trong đó nợ gốc 99.105.567 đồng, nợ lãi quá hạn 69.124.097 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN2305129147659 ngày 12/5/2023 (còn gọi là LD2313501097), số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng, Lãi suất cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân sau đó điều chỉnh 03 tháng 01 lần. Ngân hàng giải ngân cho bà T1 ngày 15/5/2023. Tính đến ngày 05/8/2023, bà T1 đã trả được tổng số tiền 4.226.677 đồng trong đó tiền gốc 2.160.924 đồng, tiền lãi 2.065.753 đồng.

Tính đến ngày 25/02/2025, bà T1 còn nợ 166.079.821 đồng trong đó nợ gốc 97.839.076 đồng, nợ lãi quá hạn 68.240.745 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN2305159153264 ngày 15/5/2023 (còn gọi là LD2313502552), số tiền vay 35.100.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng, Lãi suất cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân sau đó điều chỉnh 03 tháng 01 lần. Ngân hàng giải ngân cho bà T1 ngày 15/5/2023. Tính đến ngày 05/8/2023, bà T1 đã trả được tổng số tiền 2.470.716 đồng trong đó tiền gốc 1.063.931 đồng, tiền lãi 1.406.785 đồng.

Tính đến ngày 25/02/2025, bà T1 còn nợ 57.775.528 đồng trong đó nợ gốc 34.036.069 đồng, nợ lãi quá hạn 23.739.459 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN2305129148309 ngày 12/5/2023 (còn gọi là LD2313700328), số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng, Lãi suất cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân sau đó điều chỉnh 03 tháng 01 lần. Ngân hàng giải ngân cho bà T1 ngày 17/5/2023. Tính đến ngày 05/8/2023, bà T1 đã trả được tổng số tiền 7.028.078 đồng trong đó tiền gốc 3.182.705 đồng, tiền lãi 3.845.373 đồng.

Tính đến ngày 25/02/2025, bà T1 còn nợ 164.345.369 đồng trong đó nợ gốc 96.817.295 đồng, nợ lãi quá hạn 67.528.074 đồng.

- Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Như T1 còn ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ LN2305159165773 ngày 16/5/2023 (còn gọi là hợp đồng mở thẻ tín dụng số 324-P-7914511), hạn mức 90.000.000 đồng.

Tính đến ngày 25/02/2025, bà T1 còn nợ 218.822.026 đồng trong đó nợ gốc 89.998.682 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 128.823.344 đồng.

Theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, bà T1 thanh toán đúng thỏa thuận đến kỳ sao kê ngày 05/8/2023 sau đó không thang toán nợ gốc và lãi cho đến nay.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị Như T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 25/02/2025 là 1.317.902.448 đồng (Một tỷ ba trăm mười bảy triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 740.872.739 đồng, nợ lãi 577.029.709 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Như T1 phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 26/02/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho V.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Như T1 đã được Tòa án thông báo trên Đ1 - Cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, B, Ban biên tập Cổng thông tin điện tử Tòa án về thời gian có mặt tham gia làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc, lãi tạm tính đến hết ngày 25/02/2025 theo cách tính tại bản tính chi tiết đã giao nộp và trình bày tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận. Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận kể từ ngày 26/02/2025 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị Như T1: theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp và thể hiện trong hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Như T1 cư trú tại địa chỉ số B đường H, tổ E, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Như T1 nhưng không giao nhận được văn bản tố tụng vì bà Nguyễn Thị Như T1 đã bán nhà đi nơi khác sinh sống không cư trú tại địa chỉ nêu trên.

Căn cứ Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã thông báo trên Đ1 - Cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, B và Ban biên tập Cổng thông tin điện tử Tòa án, thông báo cho bà Nguyễn Thị Như T1 tham gia tố tụng lúc 14 giờ 00 phút ngày 16/01/2025 để làm việc, ghi nhận ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lúc 14 giờ 00 phút ngày 23/01/2025, tham gia phiên tòa lúc 14 giờ 00 phút ngày 17/02/2025 và lúc 14 giờ 00 phút ngày 25/02/2025 nhưng bà T1 vắng mặt không rõ lý do.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Như T1.

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP V (V) căn cứ vào 07 hồ sơ ký kết Hợp đồng tín dụng và 01 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử để yêu cầu bà Nguyễn Thị Như T1 trả nợ tạm tính đến kỳ sao kê ngày 25/02/2025 tổng số tiền 1.317.902.448 đồng (Một tỷ ba trăm mười bảy triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 740.872.739 đồng, nợ lãi 577.029.709 đồng.

[3] Xét 07 hồ sơ ký kết hợp đồng tín dụng và 01 giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử do Ngân hàng V giao nộp thể hiện bà Nguyễn Thị Như T1 đề nghị Ngân hàng cho vay tín dụng không tài sản đảm bảo, mục đích để thanh toán các chi phí tiêu dùng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên có giá trị pháp lý.

[4] Ngân hàng đã giải ngân tiền vay cho bà T1 vào tài khoản giải ngân số 274543981 tên chủ tài khoản Nguyễn Thị Như T1 tại V. Theo thông tin chi tiết khoản nợ tín dụng và sao kê tài khoản thẻ tín dụng của bà T1 do Ngân hàng V cung cấp, từ thời điểm ngày 05/8/2023 đến kỳ sao kê ngày 25/02/2025, bà T1 thanh toán tiền gốc đúng thỏa thuận đến kỳ sao kê ngày 05/8/2023 sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến nay.

Ngân hàng V căn cứ số tiền vay, số tiền đã trả của 07 hợp đồng tín dụng, 01 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử và chi tiết tính tiền gốc lãi của từng hợp đồng cụ thể để yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Như T1 trả nợ gốc 740.872.739 đồng có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi:

Theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khánh hàng và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng.

Theo thỏa thuận tại 07 hợp đồng tín dụng, lãi suất cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân sau đó điều chỉnh 03 tháng 01 lần. Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử, lãi suất hai bên thỏa thuận cố định, không điều chỉnh.

Theo thông tin chi tiết khoản nợ tín dụng và khoản nợ thẻ tín dụng từ kỳ ngày 05/8/2023 đến kỳ sao kê ngày 25/02/2025 do Ngân hàng V giao nộp, Ngân hàng yêu cầu bà T1 trả lãi trong hạn và lãi quá hạn 150/% trên lãi trong hạn theo cách tính của từng giao dịch trong kỳ sao kê với tổng số tiền 577.029.709 đồng có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP V (V) phải chịu theo quy định tại Khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V) được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Như T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 91,147, khoản 2 Điều 180, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều, khoản 1 Điều 351, Điều 463 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Như T1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Như T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V) tiền nợ theo Hợp đồng số DSA/VN0010325/20221239 ngày 26/12/2022, Hợp đồng số DSA/VN0010325/20221239 ngày 29/12/2022, Hợp đồng số LN2301188196159 ngày 18/01/2023, Hợp đồng số LN2305119137389 ngày 18/01/2023, Hợp đồng tín dụng số LN2305129147659 ngày 12/5/2023, Hợp đồng tín dụng số LN2305159153264 ngày 15/5/2023, Hợp đồng tín dụng số LN2305129148309 ngày 12/5/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2305159165773 ngày 16/5/2023 tạm tính đến ngày 25/02/2025 là 1.317.902.448 đồng (Một tỷ ba trăm mười bảy triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 740.872.739 đồng (bảy trăm bốn mươi triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi 577.029.709 đồng (năm trăm bảy mươi bảy triệu không trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm lẻ chín đồng).

Bà Nguyễn Thị Như T1 phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 26/02/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

2. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP V (V) phải chịu 3.881.000 (Ba triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn đồng) theo bản kê chi phí tố tụng ngày 23/01/2025 của Tòa án Ngân hàng TMCP V (V) đã thực hiện xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại Ngân hàng TMCP V (V) 24.301.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm lẻ một nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

ký hiệu BLTU/24 số 0008521 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Bà Nguyễn Thanh Thùy T2 phải chịu 51.537.073 đồng (Năm mươi mốt triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi ba đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một (để thi hành);
- Lưu: VT, Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Lan Hương